

Số: 1318/2025/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ Vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M; địa chỉ: Lầu D, tòa nhà C, D N, Phường B, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy L; địa chỉ: Lầu D, tòa nhà C, D N, Phường B, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 4459/2025/UQ-MARS ngày 05/9/2025).

Đồng nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: H L, phường L, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Nhật B, ông Nguyễn Chí B1, ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Lầu D, Tòa C, số D N, Phường B, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 2027/2025/UQ-VPB ngày 01/9/2025).

Bị đơn: Bà Phí Thị Ngọc D và ông Tạ Đình N; địa chỉ: 1 Ông Í, Phường E, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên thống nhất xác nhận bà Phí Thị Ngọc D, ông Tạ Đình N có vay vốn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần V và hiện nay phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M do Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã bán 90% khoản nợ cho Công ty Cổ phần M.

Bà Phí Thị Ngọc D, ông Tạ Đình N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 7.826.452.696 đồng (bảy tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng) (bao gồm: Tiền nợ vốn gốc là 6.144.531.651 đồng; tiền nợ lãi là 1.681.921.045 đồng).

Kể từ ngày 20/9/2025 bà Phí Thị Ngọc D, ông Tạ Đình N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì lãi suất mà bà Phí Thị Ngọc D, ông Tạ Đình N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là tất cả các quyền tài sản đối với biệt thự song lập tại địa chỉ Dự án tổ hợp khu D tọa lạc tại xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, thuộc sở hữu của bà Phí Thị Ngọc D, ông Tạ Đình N phát sinh từ Hợp đồng mua bán công trình xây dựng số NWP.1.4-02.38/2022/HĐMB/DVBT-PTND ngày 04/5/2022.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà D, ông N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Phía nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, số tiền là 30.000.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại số tiền chi phí tố tụng trên cho nguyên đơn.

4. Về án phí:

Bà Phí Thị Ngọc D, ông Tạ Đình N phải chịu 1/2 số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.956.613 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm mười ba đồng) nhưng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu 1/2 số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.956.613 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm mười ba đồng) nhưng do bà Phí Thị Ngọc D, ông Tạ Đình N tự nguyện chịu thay và không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

H1 lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.446.389 đồng (năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi chín

đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24P 0050369 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Cơ Dũng